

ADAPTATION OF LIVELIHOODS TO CLIMATE CHANGE FROM THE PERSPECTIVE OF SUSTAINABLE LIVELIHOODS: A CASE STUDY OF BEN TRE PROVINCE

Son Thanh Tung¹
Truong Thanh Thao²

^{1, 2}University of Social Sciences and Humanities, Vietnam National University Ho Chi Minh City
Email: tungsr@hcmussh.edu.vn¹; truongthanhthao@hcmussh.edu.vn².

Received: 14/5/2024
Revised: 31/5/2024

Reviewed: 20/5/2024
Accepted: 12/6/2024

DOI: <https://doi.org/10.58902/tcnckhpt.v3i2.148>

Abstract:

The people's livelihoods transformation in areas affected by climate change depends on many different objective and subjective factors. This transformation first came from the damage to livelihoods that people experienced due to abnormal climate variations. This transformation is expected to help families adapt their livelihoods to climate changes. Besides, this transformation needs to be considered from the dimension of ecological sustainability, which is supposed to be better analyzed in efforts to transform people's livelihoods to adapt to climate change and extreme weather.

Keyword: Climate change; Livelihood transformation; Sustainable livelihoods; Adaptation; Ben Tre province.

1. Đặt vấn đề

Chuyển đổi sinh kế là vấn đề được đặt ra trong bối cảnh biến đổi khí hậu (BĐKH) tác động đến hoạt động sản xuất của con người. Việt Nam được xếp vào nhóm các quốc gia dễ tổn thương trước BĐKH (Espagne E. và cộng sự, 2021), trong đó đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) có nguy cơ tổn thương ở mức cao. Bến Tre là tỉnh thuộc ĐBSCL, BĐKH cũng đã tác động đến toàn tỉnh Bến Tre trong những thập niên gần đây. So với các khu vực sâu trong đất liền, vùng ven biển bị tác động nhiều hơn, trong đó sinh kế là khía cạnh chịu tác động rõ rệt nhất, đặc biệt là nghề nông và nuôi trồng thủy sản. Chính quyền địa phương và người dân đã ứng phó với BĐKH bằng nhiều cách khác nhau, từ việc đầu tư cho cơ sở hạ tầng ứng phó với BĐKH của chính quyền đến sự đầu tư, chuyển đổi sinh kế xuất phát từ người dân.

Bài viết này phân tích dữ liệu từ khảo sát tại

tỉnh Bến Tre để trả lời cho các câu hỏi sau:

- Người dân có tài sản sinh kế nào trong quá trình chuyển đổi?
- Sự chuyển đổi sinh kế của người dân đem lại sự bền vững như thế nào?
- Các yếu tố khách quan nào chi phối đến sự chuyển đổi sinh kế của người dân địa phương?

2. Tổng quan nghiên cứu

BĐKH và thích ứng sinh kế là chủ đề được nghiên cứu từ cấp độ toàn cầu đến địa phương. Các nghiên cứu tập trung vào việc đo lường tác động của BĐKH và đưa ra các kịch bản về BĐKH. Đối với tỉnh Bến Tre, theo Kịch bản BĐKH của Bộ Tài nguyên Môi trường năm 2020, nếu mực nước biển dâng 100 cm, khoảng 35,11% diện tích tỉnh Bến Tre có nguy cơ bị ngập. Ảnh hưởng của BĐKH tại Bến Tre biểu hiện ở xu hướng tăng nhiệt độ trung bình, lượng mưa giảm, mực nước biển dâng cao, vào mùa khô gió

chương đưa nước biển lấn sâu vào nội địa, làm nhiễm mặn đất (Đào và cộng sự, 2019).

Sinh kế bền vững được Chambers, R. và G. Conway đề cập đến năm 1992, sau đó được phát triển bởi Cơ quan phát triển quốc tế Anh (DFID). Sinh kế bao gồm năng lực, tài sản và hoạt động cần thiết cho phương tiện kiếm sống (DFID, 2001). Liên quan trực tiếp đến chuyển đổi sinh kế thích ứng với BĐKH tại Bến Tre, một nghiên cứu năm 2022 về các hình thức chuyển đổi sử dụng đất nông nghiệp thích ứng với BĐKH tại Bến Tre, xác định 5 chuyển đổi chính gồm luân canh tôm-lúa sang nuôi trồng thủy sản, một vụ lúa sang nuôi trồng thủy sản, hai vụ lúa sang cây ăn trái, luân canh hai vụ lúa-tôm, luân canh giữa lúa ba vụ và hai vụ (Điệp và cộng sự, 2022). Một số nghiên cứu về chuyển đổi sinh kế thích ứng với BĐKH thường phân tích dưới góc độ các giải pháp, mô hình chuyển đổi sinh kế (như nuôi tôm, trồng rừng...). Tuy nhiên, trong sự chuyển đổi này, tài sản sinh kế và tính bền vững chưa được đặt ra như một vấn đề cần xem xét.

Nghiên cứu của nhóm tác giả thực hiện tại tỉnh Bến Tre, không chỉ tập trung vào vùng ven biển mà bao gồm cả những vùng sâu trong đất liền. Nghiên cứu này cũng phân tích sự chuyển đổi sinh kế dưới nhiều khía cạnh làm rõ sự chuyển đổi của nhóm nghề nông nghiệp và phi nông nghiệp,

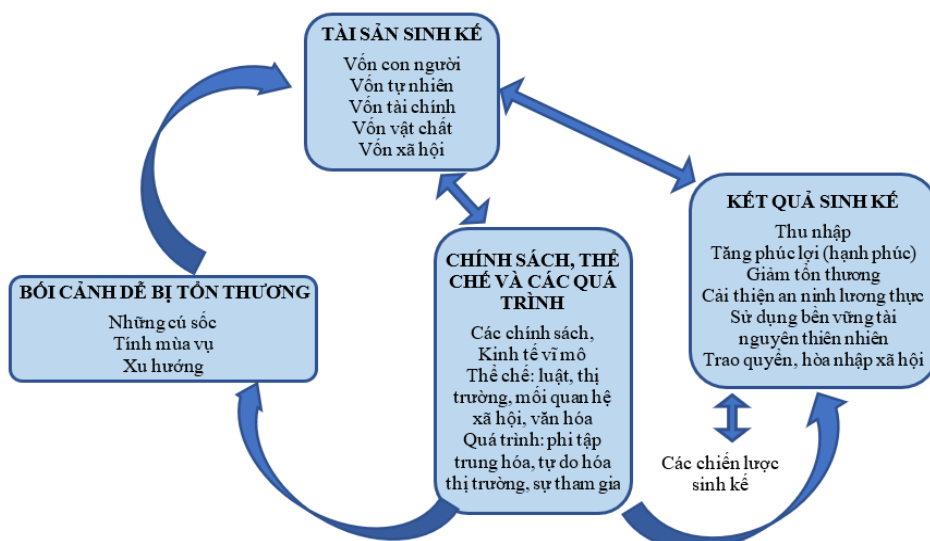
đồng thời nhận diện các tài sản sinh kế cũng như các yếu tố khách quan tác động đến quá trình chuyển đổi sinh kế thích ứng với BĐKH của cộng đồng.

3. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết này dựa trên dữ liệu từ nghiên cứu “Chuyển đổi đô thị thích ứng với BĐKH tại các đô thị vừa và nhỏ” thực hiện năm 2022 và năm 2023, do Viện Friedrich Ebert Stiftung (FES) tại Việt Nam tài trợ. Phương pháp nghiên cứu định tính được sử dụng trong nghiên cứu này với các cuộc phỏng vấn sâu (PVS) và thảo luận nhóm. Các trường hợp được phỏng vấn đảm bảo sự đa dạng về sinh kế tại địa bàn khảo sát. Khảo sát năm 2022 gồm 13 cuộc PVS và 3 thảo luận nhóm tại các huyện thuộc tỉnh Bến Tre, gồm Bình Đại, Ba Tri, Châu Thành, Chợ Lách; năm 2023 gồm 15 cuộc PVS và 2 thảo luận nhóm tại thành phố Bến Tre.

Phân tích sẽ dựa theo khung sinh kế bền vững của DFID, chúng tôi sẽ xem xét tính bền vững của quá trình chuyển đổi sinh kế thích ứng với BĐKH tại địa bàn nghiên cứu. Sinh kế được coi là bền vững khi có thể đương đầu và phục hồi sau những căng thẳng, cú sốc, đồng thời duy trì hoặc nâng cao khả năng và tài sản hiện tại, tương lai, đồng thời không làm suy yếu tài nguyên thiên nhiên (DFID, 2001).

KHUNG SINH KẾ BỀN VỮNG



Nguồn: DFID, 2001

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Đặc điểm địa bàn và tác động của biến đổi khí hậu tại tỉnh Bến Tre

Bến Tre nằm cuối nguồn sông Cửu Long, gồm các cù lao tạo thành bởi sông Mỹ Tho, Ba Lai, Hàm Luông và Cổ Chiên với tổng chiều dài 298 km, bờ biển dài hơn 65 km. Bến Tre khá đặc thù do ngăn cách với các tỉnh lân cận bởi các con sông. Địa hình Bến Tre bằng phẳng, nhiều cồn cát xen kẽ cánh đồng, vườn cây, không có rừng lớn, chỉ có một ít rừng ngập mặn ven biển và cửa sông. Trên 90% diện tích của tỉnh nằm ở độ cao chưa tới 2m so với mực nước biển (WWF-VN, 2012). Bến Tre có hệ thống sông rạch chằng chịt. Dọc theo các sông chính đều có kênh hoặc đường thủy nhân tạo, có 46 kênh rạch chính nối các sông lớn với nhau với tổng chiều dài hơn 2.367 km (UBND tỉnh Bến Tre, 2022). Hệ thống sông, kênh rạch giúp giao thông, thủy lợi thuận tiện, nước và phù sa dồi dào, nhưng cũng gây nguy cơ xâm nhập mặn vào sâu nội địa.

BĐKH tại Bến Tre biểu hiện chủ yếu qua tình trạng xâm nhập mặn, thay đổi nhiệt độ và lượng mưa. Xâm nhập mặn thường xảy ra từ khoảng tháng 12 đến tháng 5. Vào mùa khô, lượng nước từ thượng nguồn giảm, thủy triều lên, nước mặn theo các con sông, kênh rạch vào ruộng vườn. Bến Tre trải qua 3 đợt hạn mặn lịch sử vào năm 2010, 2015-2016 và 2019-2020 (UBND tỉnh Bến Tre, 2022). Bên cạnh xâm nhập mặn là sự thay đổi nhiệt độ và lượng mưa. Giai đoạn từ năm 2006 đến năm 2018 nhiệt độ trung bình năm có xu hướng tăng và tăng nhanh hơn so với giai đoạn từ năm 1980 đến năm 2005. Bến Tre có lượng mưa trung bình năm khá thấp. Lượng mưa ít vào mùa khô, cùng với gió Đông Nam làm cho mặn xâm nhập sâu vào nội đồng (UBND tỉnh Bến Tre, 2022).

Với đặc điểm tự nhiên đặc thù, hầu hết những ngành nghề phụ thuộc vào tài nguyên đất và nước sẽ chịu thiệt hại hơn do BĐKH. Diện tích đất nông nghiệp của tỉnh là 179.947 ha, chiếm 75,64% diện tích toàn tỉnh (UBND tỉnh Bến Tre, 2022). Chủ yếu đất nông nghiệp tại Bến Tre là trồng dừa. Dừa là cây đặc thù lâu đời của Bến Tre, có giá trị kinh tế và chịu được nước mặn, diện tích đất trồng dừa tăng dần trong hơn 20 năm gần đây. Bên cạnh trồng trọt, nuôi trồng thủy sản cũng dễ tổn thương

trước BĐKH. Đối với chăn nuôi gia súc/gia cầm, nuôi heo là loại hình phổ biến. Theo kết quả ghi nhận được từ nghiên cứu này, trong các loại hình nuôi trồng thì chăn nuôi gia súc/gia cầm ít chịu ảnh hưởng của BĐKH. Ngoài ra, kinh tế của Bến Tre có định hướng chuyển dịch theo hướng tăng trưởng công nghiệp và dịch vụ (UBND tỉnh Bến Tre, 2022), trong đó liên kết các sản phẩm từ nông nghiệp với công nghiệp và dịch vụ, đây cũng là yếu tố ảnh hưởng đến xu hướng chuyển đổi sinh kế của người dân.

4.2. Quá trình chuyển đổi sinh kế thích ứng với biến đổi khí hậu

4.2.1. Các kiểu mẫu chuyển đổi

BĐKH ảnh hưởng đến hầu hết các vùng tại tỉnh Bến Tre, gây thiệt hại sinh kế, đặc biệt là ở những hộ gia đình mà kinh tế của họ dựa vào tài nguyên thiên nhiên như đất, nước. Ba hiện tượng mà người dân cho rằng có tác động xấu đến sinh kế gồm hạn mặn, lượng mưa nắng thất thường và sâu bệnh lạ. Tuy nhiên, người dân coi BĐKH như là sự thay đổi về thời tiết nói chung, là quá trình liên tục, vì vậy, sự thích ứng của họ diễn ra một cách tự nhiên. “Mấy năm nay gió lớn và lốc nhiều hơn. Thời tiết như mọi năm là chỉ có hai mùa, nhưng năm nay ngồi ở ao tôm đã thấy có 4 loại gió. Gió thay đổi thì tôm nó cũng thay đổi, dễ bị hư. Ngồi từ 7-8 giờ sáng đến 1-2 giờ chiều là biết được có mấy loại gió. Gió Tây Nam, Đông Bắc, gió Đông, và gió Bắc, không khí lạnh là gió Bắc. Gió Đông Bắc ở đây gọi là gió chướng, gió này khiến cho ghe tàu đi không được” (nam, 32 tuổi, chủ vừa thu mua thủy hải sản, nuôi tôm, Bình Đại, Bến Tre).

Chuyển đổi của nhóm nghề nông nghiệp: nông nghiệp được coi là nhóm nghề dễ tổn thương nhất trước BĐKH. Đất nông nghiệp tại Bến Tre hiện nay chủ yếu là trồng dừa, sau đó là cây ăn trái và lương thực. Rừng tự nhiên tại Bến Tre ít, chủ yếu là rừng trồng ven biển. Nuôi trồng thủy sản cũng là loại hình sinh kế quan trọng của người dân địa phương (bảng 1), trong đó nuôi tôm là chủ đạo (chiếm 87% diện tích nuôi trồng thủy sản). Đối với chăn nuôi gia súc thì ba loại được nuôi nhiều nhất là bò, heo và dê (UBND tỉnh Bến Tre, 2022).

Bảng 1. Diện tích rừng và diện tích đất trồng trọt, mặt nước (ha)

Năm	Diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản	Diện tích rừng		Diện tích trồng trọt				
		Rừng tự nhiên	Rừng trồng	Diện tích cây hàng năm (trong đó)		Diện tích hiện cây lâu năm (trong đó)		
				Cây lương thực có hạt	Cây công nghiệp hàng năm	Cây ăn trái	Cây công nghiệp lâu năm (dừa)	Trong đó: Cacao (xen với dừa)
2000							37.758	0
2010							51.560	6.333
2015	38.423	1.029	2.693	61.398	2.415	27.657	68.545	1.938
2020	37.287	1.176	3.192	16.917	211	26.641	73.997	91
2022	36.640	1.250	3.232	23.757	25	25.478	78.019	78

Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Bến Tre

Từ khảo sát thực tế tại địa bàn, việc chuyển đổi sinh kế nông nghiệp thích ứng với BĐKH thể hiện với các tính chất khác nhau, theo các chiều hướng được mô tả trong bảng dưới đây.

Bảng 2. Chuyển đổi sinh kế của nhóm nghề nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Sinh kế (trước khi hạn mặn gia tăng)	Đa dạng hóa cây trồng, vật nuôi	Chuyển giống cây trồng vật nuôi (cùng loại hình), đổi vụ	Chuyển đổi nhiều lần giữa các loại cây trồng vật nuôi	Bán đất, để đất trống, tìm thêm việc làm & Có công việc khác	Giải pháp chung: đầu tư về kỹ thuật
Lúa	Trồng lúa, xen kẽ với trồng củ, dừa; chăn nuôi	Chỉ làm lúa khi có nước ngọt	Chuyển từ lúa sang tôm Nuôi tôm, phải tái đầu tư ao/đập nên tạm dừng, chờ đất phục hồi, và đổi sang đồng nước ngọt để trồng củ, chăn nuôi	<ul style="list-style-type: none"> Bán đất, để đất trống, không làm nông nữa, làm thuê, công nhân. Hộ có ít ruộng vườn hoặc canh tác không hiệu quả thường có việc phụ Không làm nông nữa, có trợ cấp Tại đô thị, nhiều gia đình duy trì làm nông để giữ đất do giá bất động sản cao và để có việc làm khi về hưu 	<ul style="list-style-type: none"> Đắp đê/bờ riêng Làm công ngăn mặn riêng Làm hệ thống trữ nước mưa, lọc nước Làm hệ thống tưới Đào/ khoan giếng Tìm hiểu và mua giống mới, được doanh nghiệp cung cấp giống Phun thuốc trừ sâu/bệnh, phân bón Đầu tư rửa mặn đất, phục hồi ao tôm
Tôm, thủy sản (tôm nước mặn/lợ là thích ứng ở vùng gần biển, vì loại này cần nước mặn)	Nuôi thêm thủy sản khác Nếu không có tiền đầu tư ngăn triều cho ao tôm thì chỉ 1 mùa, mùa thủy triều thì đi làm thuê	Tôm thẻ chân trắng chuyển qua tôm sú Tôm nước mặn qua tôm/cá nước ngọt Không nuôi 1 giống qua nhiều vụ Tìm đất rộng để nuôi quảng canh	Nuôi tôm 1 mùa, cá 1 mùa để cho cá dọn dẹp ao tôm Chuyển từ nuôi tôm (do thất mùa) sang trồng lúa và nuôi bò, dê		
Cây công nghiệp: dừa, cacao	Trồng thêm trong vườn dừa các cây ăn trái, hoa kiểng, xen canh cacao. Chăn nuôi thêm	Đổi giữa các loại dừa	Chuyển qua trồng cây ăn trái, cacao (do giá dừa rẻ) ⇒ Quay lại trồng dừa		

KINH TẾ VÀ XÃ HỘI

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Sinh kế (trước khi hạn mặn gia tăng)	Đa dạng hóa cây trồng, vật nuôi	Chuyển giống cây trồng vật nuôi (cùng loại hình), đổi vụ	Chuyển đổi nhiều lần giữa các loại cây trồng vật nuôi	Bán đất, để đất trồng, tìm thêm việc làm & Có công việc khác	Giải pháp chung: đầu tư về kỹ thuật
Cây ăn trái	Trồng xen canh cây khác Trồng các cây có rễ bám nông Chăn nuôi thêm	Chuyển qua trồng giống cây ăn trái mới, đổi giống (do thị trường)	Chuyển từ loại cây ăn trái này sang loại cây ăn trái khác (do BĐKH và thị trường) Quay lại trồng dừa, xen canh hoa màu và cây ăn trái		<ul style="list-style-type: none"> • Lưới chống nóng cho vườn cây giống
Hoa kiểng, cây giống		Chọn loại cây giống, hoa kiểng không lệ thuộc thời vụ và thời tiết	Chuyển sang trồng và kinh doanh cây giống, cây ngắn ngày để thu hoạch sớm, tránh nước mặn		
Chăn nuôi	Trồng vườn thêm (do có vườn chứ không do BĐKH)	Chuyển đổi giữa heo, bò, dê (do thị trường)	Nuôi các loại khác: thú cưng, thú rừng... (theo thị trường)		Mua/Lọc nước sạch tránh bệnh cho vật nuôi, làm mát chuồng trại
Trồng rừng	Được xen canh tôm cá	(thuộc quy hoạch lâm nghiệp nên chỉ chuyển đổi theo quy hoạch)			

Nguồn: Tổng hợp của nhóm tác giả từ dữ liệu nghiên cứu

Chuyển đổi của nhóm nghề phi nông nghiệp: nghề phi nông nghiệp khá đa dạng về loại hình. Tại đô thị, nghề phi nông nghiệp phổ biến hơn. Trong báo cáo nghiên cứu “The transformation of southern medium-sized cities toward climate change resilience, the cases of Ben Tre and Bình Duong provinces” thì BĐKH ít tác động lên khu vực đô thị và sinh kế của người dân hơn là nông thôn, BĐKH được người dân đô thị cảm nhận rõ nhất là việc nắng nóng hơn và mưa nắng thất

thường (Son Thanh Tùng và cộng sự, 2022). Tại Bến Tre, với nghề phi nông nghiệp, chúng tôi ghi nhận được tác động của BĐKH dẫn đến những thay đổi trong sinh kế của người dân ở những loại hình kinh doanh phụ thuộc vào nông-lâm-ngư nghiệp. Người kinh doanh, sản xuất bị ảnh hưởng do BĐKH tác động đến sự ổn định nông sản và nguồn nước. Những chuyển đổi được ghi nhận như sau:

Bảng 3. Chuyển đổi sinh kế thích ứng với BĐKH của nhóm nghề phi nông nghiệp

Sinh kế	Các chuyển đổi ghi nhận được:		Giải pháp kỹ thuật & Đầu tư thay đổi loại hình
	Những ngành nghề kinh doanh phụ thuộc vào nông nghiệp/thủy hải sản thì bị tác động bởi sự thay đổi của nông sản (xuất phát từ BĐKH).		
Kinh doanh dựa vào nông nghiệp, thủy hải sản (thu	Chuyên loại hình kinh doanh, sản xuất nông sản/thủy hải	Chuyển sang làm các ngành kinh doanh khác không phụ thuộc vào thời tiết (cây trồng	Tăng chi phí đầu tư thay thế thiết bị (hư hại do nước mặn) và năng lượng.

Sinh kế	Các chuyển đổi ghi nhận được:		Giải pháp kỹ thuật & Đầu tư thay đổi loại hình
	Những ngành nghề kinh doanh phụ thuộc vào nông nghiệp/thủy hải sản thì bị tác động bởi sự thay đổi của nông sản (xuất phát từ BĐKH).		
mua, chế biến nông sản, du lịch sinh thái...)	sản khác (mua dừa, làm chỉ xơ dừa...)	trong nhà, trồng nấm, nhà hàng...)	Tăng chi tiêu điện nước...
Nghề phi nông khác	Không ghi nhận chuyển đổi sinh kế do BĐKH trong nghiên cứu này		

Nguồn: Tổng hợp của nhóm tác giả từ dữ liệu nghiên cứu

Kết quả khảo sát cho thấy người dân đã chuyển đổi khá nhiều lần. Trong các hình thức chuyển đổi, chỉ có “Đa dạng hóa cây trồng vật nuôi” (bảng 2, cột 2) là ít có sự thay đổi và đầu tư mới. Tuy nhiên, cách này có thể coi là ít hoặc không chuyển đổi, do hầu hết ruộng vườn, trang trại tại các vùng nông nghiệp đều có sự đa dạng cây trồng vật nuôi để khai thác hiệu quả của đất. Còn lại, những cách thức chuyển đổi khác đều cần vốn đầu tư mới, do sinh kế cũ không còn hiệu quả. Nhìn chung, các cách thức chuyển đổi sinh kế đã đem lại một số kết quả tích cực như sau:

- Thay đổi cây trồng vật nuôi giúp thích ứng được với hạn mặn, sâu bệnh lạ và duy trì được cách làm ăn mới trong một thời gian. “Nói chung có năm mưa nhiều, nắng ít, thời tiết thất thường. Trước cô trồng nhãn, bưởi, quýt sau này nước nhiễm mặn, rễ cây chết dần nên phải đổi cây, chuyển sang trồng dừa vì dễ trồng, phục hồi dễ. Dừa mình bón phân, tưới nước ngọt lại thì cây có thể sống sau 2 - 3 tháng cho ra trái tốt. Đổi qua dừa thì thu nhập cao, mỗi tháng thu 1 lần, người ta bẻ nên mình cũng không cần ra vườn, bưởi thì cực lắm” (nữ, 50 tuổi, trồng dừa, bưởi, Châu Thành, Bến Tre).

- Chọn được một số giống phù hợp (dừa, đuốc, cỏ...) thu nhập không cao nhưng ổn định và chịu được nước mặn, tạo thu nhập, duy trì được nghề nông và giữ đất làm tài sản cho con cháu. “Trồng dừa thôi. Ông bà để lại cả trăm năm, trồng dừa là bền nhất.” (nam, 70 tuổi, trồng dừa và bưởi, TP Bến Tre).

- Có đa dạng nguồn thu nhập, không phụ thuộc vào một loại cây trồng vật nuôi. “Tôi làm nhiều lắm, nuôi tôm, trồng lúa, nuôi bò dê chứ không chuyên một ngành.” (nam, nông dân, Ba Tri, Bến Tre).

- Đa dạng sinh kế và không phụ thuộc vào sự thất thường của khí hậu/thủy văn. “Những tháng tạm nghỉ không nuôi tôm thì chú đi làm hồ. Nói chung, rảnh thì đi làm kiếm thêm thu nhập” (nam, 45 tuổi, nuôi tôm công nghiệp, Bình Đại, Bến Tre).

Bên cạnh những kết quả tích cực, quá trình chuyển đổi sinh kế của cộng đồng địa phương cũng đem lại một số kết quả thiếu bền vững như:

- Thay đổi nhiều, nhưng chưa chọn được giống cây trồng vật nuôi phù hợp. “Cần hỗ trợ đưa giống cây để thích ứng với khí hậu hiện nay, phù hợp với môi trường để cho bà con sản xuất không gặp rủi ro. Ví dụ hoa màu thời trước nó phù hợp với khí hậu lúc trước, giờ đất nhiễm mặn, BĐKH thì mình phải tìm tòi, thay đổi giống cây mới, vật nuôi” (nam, 50 tuổi, sản xuất và kinh doanh cây giống, Chợ Lách, Bến Tre).

- Tự chuyển đổi giống cây trồng và vật nuôi, dùng các loại thuốc dẫn đến thay đổi hệ sinh thái địa phương. “Hồi trước địa phương cũng xuống chặt mấy cái tàu dừa bị bệnh, bắt sâu mọt. Mà thấy làm cũng chưa đồng loạt lắm. Dân toàn là phải tự đi mua thuốc rồi tự xịt, bữa trước tôi cũng mua thuốc rồi mướn người xịt, hơn hai triệu bạc. Tôi có nói với cô bán thuốc là bán thuốc nào mà cá nó không bị chết. Nhưng mà lúc xịt thì cá nó theo con nước vào, mấy con cá bự nó chết hết (nam, 82 tuổi, trồng dừa, Ba Tri, Bến Tre).

4.2.2. Tài sản sinh kế cho sự chuyển đổi sinh kế thích ứng với biến đổi khí hậu tại địa phương

Tài sản sinh kế của người dân địa phương cho quá trình chuyển đổi thể hiện dưới 5 dạng, gồm: vốn con người, vốn tự nhiên, vốn tài chính, vốn vật chất và vốn xã hội.

Vốn con người: gồm sức khỏe, kiến thức, kỹ năng, thông tin, khả năng lao động (Majale,

2001). Bến Tre là vùng làm nông nghiệp lâu đời, người dân đã có kinh nghiệm làm nông nghiệp từ xa xưa. Tuy nhiên, chỉ một số gia đình có con cháu tiếp tục theo nghề nông, còn lại đã đi học, đi làm nghề khác tại địa phương hoặc tỉnh thành khác.

Vốn tự nhiên: gồm tài nguyên thiên nhiên: đất, nước, động vật hoang dã, đa dạng sinh học... (Majale, 2001). Tại Bến Tre, đất đai, nước là nguồn tài nguyên quan trọng cho sinh kế liên quan đến nông-lâm-ngư nghiệp. Tuy nhiên, nguồn nước hiện nay tại khu vực đối mặt với hạn mặn và chất lượng nước ngầm thấp gây khó khăn cho sinh kế. “Nước nhiễm mặn nên muốn người khoan giếng, khoan nhiều mà nước không nhiều, nên lấy làm ống chứa nước mưa luôn. Nhất là nước mưa, nhì là nước giếng. Còn nước dưới sông, phân thuốc, rồi con này con kia cũng ớn” (nam, 55 tuổi, trồng dừa, trái cây, TP Bến Tre). Trong quá trình chuyển đổi sinh kế, tài nguyên đất nhiều hay ít cũng quyết định đến cách thức chuyển đổi. Người có ít đất, giá trị tạo ra từ nông nghiệp không cao có thể dẫn đến việc không đầu tư cho nông nghiệp mà chuyển sang nghề phi nông. “Từ từ chắc nghĩ làm lúa vì tính ra nó cực lại không có lời, giờ người ta chuyển sang nuôi tôm, ruộng ít thì cho thuê để đi làm công nhân hay đi làm thuê ở ngoài vậy mà thu nhập nó đỡ hơn. Mần vụ lúa 1 công lời chừng 2 triệu trong khi đi làm thuê ở ngoài khoảng 1 tuần là bằng cái số lời đó rồi” (nam, trồng lúa, dừa, nuôi tôm, chăn nuôi, Ba Tri, Bến Tre).

Vốn tài chính: gồm nguồn lực tài chính sẵn có như tiền gửi thường xuyên/lương hưu/tiền tiết kiệm; tín dụng (Majale, 2001). Người dân cho rằng khi cần chuyển đổi sinh kế họ thường dùng tiền để dành. Đối với những người có làm ăn với thương lái, kinh doanh, sản xuất thì họ có nguồn vay/nợ từ bạn hàng. Một số người cũng tiếp cận với tín dụng để đầu tư cho sinh kế. Tuy nhiên, để duy trì sinh kế nông nghiệp trong bối cảnh BĐKH, đặc biệt là nuôi tôm, chỉ những hộ gia đình có tiềm lực tài chính lớn mới đầu tư và duy trì được. “Hễ ai có tiền thì làm dễ hơn... Ai có điều kiện thì nuôi tôm, mở trang trại hoặc cho thuê đất” (nam, trồng lúa, dừa, nuôi tôm, chăn nuôi, Ba Tri, Bến Tre).

Vốn vật chất: gồm cơ sở hạ tầng cơ bản, nhà ở và phương tiện, thiết bị sản xuất (Majale, 2001). Với người dân Bến Tre, hệ thống đê/cống ngăn mặn, lọc nước, trữ nước ngọt, tưới nước của hộ gia đình là vốn vật chất rất quan trọng. Người dân có một hệ thống kỹ thuật riêng để thích ứng với BĐKH và hỗ trợ chuyển đổi sinh kế, bên cạnh những giải pháp chung của nhà nước như đê, đập ngăn mặn, cống ngăn triều, cấp nước sạch.

Vốn xã hội: gồm mối quan hệ tin cậy, tư cách thành viên của nhóm, mạng lưới, khả năng tiếp cận các tổ chức lớn hơn (Majale, 2001). Ở góc độ nhà nước, các tổ chức đoàn thể, mạnh thường quân hỗ trợ cung cấp nước sạch cho người dân, xây dựng các chương trình tập huấn về BĐKH và áp dụng kỹ thuật trong nông nghiệp. Tham gia các hoạt động của các đoàn thể địa phương như hội Nông dân, hội Phụ nữ, Hiệp hội dừa... cũng giúp người dân có thêm kiến thức và thông tin. Tuy nhiên, mạng lưới xã hội giữa người dân lại là kênh kết nối có tính lâu dài và hiệu quả. Đó là các hội nhóm làm nông nghiệp (hội cây kiểng, hội bưởi...) và các cộng đồng làm dịch vụ (cộng đồng làm du lịch, nhóm doanh nghiệp sản xuất sản phẩm từ dừa...). Cộng đồng lân cận cũng tạo thành một mạng lưới, chuyển đổi sinh kế diễn ra theo vùng do người dân học hỏi lẫn nhau. Chuỗi cung ứng dịch vụ cũng là mạng lưới cá nhân quan trọng, giúp người dân tìm kiếm thông tin, hỗ trợ tài chính từ bạn hàng, mối làm ăn và các dịch vụ đầu vào, đầu ra. “Có hội, câu lạc bộ cây giống Chợ Lách hoặc câu lạc bộ sầu riêng... Máy bác, nhân viên, cán bộ đứng ra làm, tự dân mình làm chứ không phải nhà nước, tự sinh hoạt, tự chia sẻ kinh nghiệm, giống mới, cũng có nói về BĐKH mà giờ thì tìm giải pháp khắc phục BĐKH thôi.” (nhóm nông dân, nam, trồng hoa kiểng/cây giống, Chợ Lách, Bến Tre).

Nhìn chung, phân tích về các tài sản sinh kế cho thấy người dân gặp hạn chế hơn với vốn tự nhiên (đất đai, nguồn nước) và vốn tài chính, là hai dạng tài sản sinh kế quan trọng tác động đến quy mô và cách thức chuyển đổi sinh kế. Trong khi đó, với vốn con người, vốn vật chất và vốn xã hội, người dân đã sẵn có một phần những tài sản sinh kế này cho quá trình chuyển đổi.

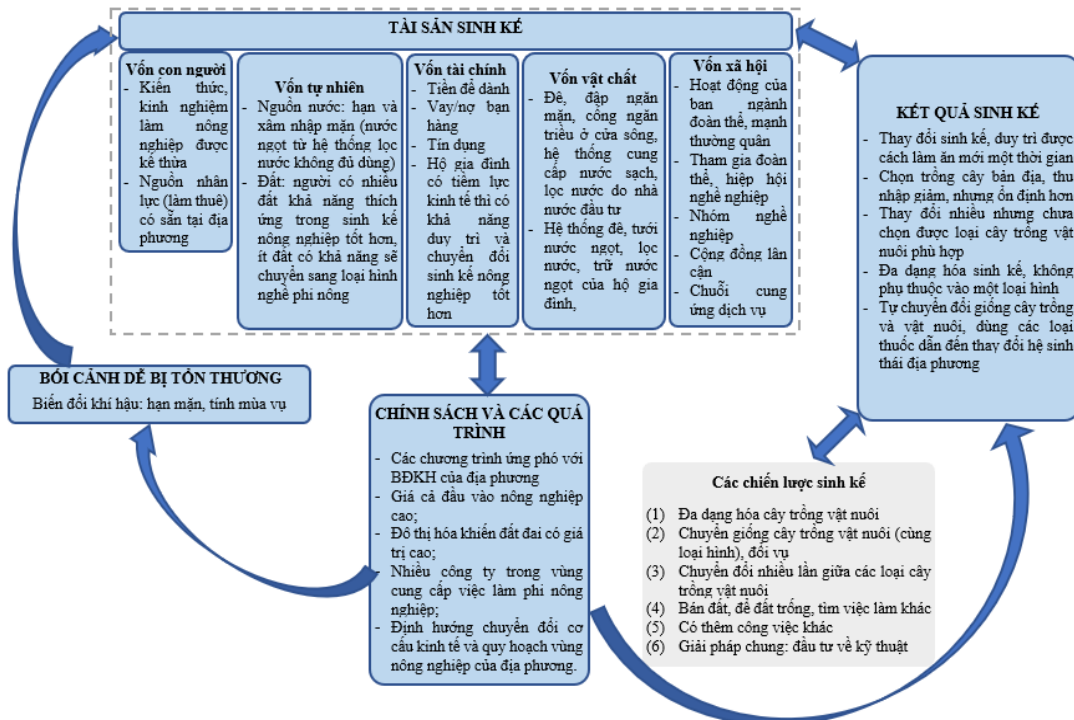
4.2.3. Ảnh hưởng của các yếu tố khách quan

Quá trình chuyển đổi sinh kế là sự thích ứng với BĐKH qua nhiều năm theo các chương trình của nhà nước hoặc từ kinh nghiệm của cộng đồng. Tuy nhiên, phân tích nguyên nhân chuyển đổi sinh kế của người dân cho thấy lựa chọn chuyển đổi còn chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố khách quan như: giá đầu vào nông nghiệp cao, đô thị hóa khiến đất đai có giá trị cao, nhiều công ty xuất hiện trong vùng, định hướng cơ cấu kinh tế và quy hoạch của địa phương.

Giá cả đầu vào nông nghiệp cao làm tăng chi phí sản xuất làm cho người dân cân nhắc về việc tiếp tục đầu tư cho nông nghiệp hay chỉ duy trì để giữ đất. Bên cạnh đó, đô thị hóa cũng dẫn đến những thay đổi lớn về sinh kế, người dân có nhiều lựa chọn hơn với việc phi nông nghiệp khi trong

vùng có nhiều công ty, xí nghiệp hơn. Đô thị hóa cũng làm cho đất có giá trị cao cộng với sự bấp bênh của nông nghiệp, điều này có phần tác động đến quyết định bán đất và chuyển sang nghề khác. Ngoài ra, chuyển đổi sinh kế cũng chịu ảnh hưởng bởi quy hoạch của địa phương. Phát triển nông nghiệp hoặc dịch vụ cũng cần theo quy hoạch của từng vùng, nếu phát triển tự phát thì chuỗi cung ứng sản phẩm và dịch vụ hỗ trợ cũng không thuận lợi. “Bên Hữu Định đa số trồng dừa xen với cacao, nó phải có khu vực, có người tiêu thụ, bên đây trồng cacao thì ai mua, không phải mình muốn là mình chuyển đổi. Nếu chuyển đổi phải là chuyển hết khu vực thì mới có người quản lý, thu mua” (nhóm phụ nữ, trồng dừa, cacao, chăn nuôi, TP Bến Tre).

5. Bàn luận



Từ các phân tích trên, các tài sản sinh kế, các yếu tố khách quan, các chiến lược sinh kế, các kết quả sinh kế được đưa vào khung sinh kế bền vững như sau:

Trong các tài sản sinh kế của người dân, cải thiện vốn tự nhiên và vốn tài chính là điều khó khăn hơn, do nước sạch vẫn là vấn đề chưa giải quyết được một cách có hệ thống, nguồn lực đất đai không tăng thêm. Về tài chính, không phải hộ gia đình nào cũng có khả năng tiếp cận tín dụng

từ các tổ chức tài chính chính thức cho việc chuyển đổi sinh kế. Trong khi đó, vốn con người, vốn vật chất và vốn xã hội của người dân ít nhiều gia tăng theo thời gian qua các chính sách của nhà nước về hạ tầng, kỹ thuật, thông tin, đồng thời gia tăng qua sự mở rộng mạng lưới xã hội và sự tích lũy kinh nghiệm thích ứng với BĐKH của người dân. Tuy nhiên, các vốn sinh kế này chủ yếu đang dựa trên sự sẵn có trong cộng đồng. Người dân đề cập đến việc sử dụng tài chính cá nhân hoặc vay

nợ bạn hàng, những mối quan hệ trong mạng lưới của mỗi cá nhân trong quá trình chuyển đổi sinh kế. Đồng thời, họ cũng dùng kinh nghiệm cá nhân để xây dựng các hệ thống kỹ thuật riêng giúp giảm tác động của BĐKH đến hoạt động sản xuất. Đặc biệt là nông dân, họ là những người rất nhạy bén với thị trường, với sự thay đổi của khí hậu. Kinh nghiệm và kiến thức của họ là tài sản sinh kế quan trọng và bền vững. Tuy nhiên, họ không có khả năng dự báo những xu hướng hoặc những hệ quả của BĐKH, công nghệ mới, giống mới, do đó cần có sự kết hợp của chính sách và quy hoạch của nhà nước để tăng vốn sinh kế ở cấp địa phương, cộng đồng và hộ gia đình.

Chuyển đổi sinh kế bên cạnh tác động do BĐKH còn được ghi nhận do tác động của đô thị hóa và thị trường. Do đó, sự chuyển đổi sinh kế của người dân hiện nay đang thể hiện sự thích ứng linh hoạt với những bối cảnh khách quan trên. Ở những vùng đang đô thị hóa, chuyển đổi sinh kế chưa thể hiện rõ rệt do tác động của BĐKH hay giá trị đất đai. Với những hộ có sinh kế dựa vào nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản, chuyển đổi sinh kế do tác động của BĐKH có phần rõ hơn. Tuy nhiên, sự thay đổi này còn có tác động từ nhu cầu của thị trường nông sản.

Người dân thông qua trao đổi thông tin trong các hội, nhóm và dựa vào kinh nghiệm, tự học hỏi, họ chuyển đổi giống cây trồng/vật nuôi, phân bón, thuốc, tự xây dựng đê/công, cấp nước..., thể hiện năng lực thích ứng cao. Tuy nhiên, điều này có thể dẫn đến thay đổi hệ sinh thái tại địa phương. Điển hình như việc xuất hiện nhiều côn trùng lạ, giống cây địa phương bị thay đổi, đê/công của hộ

gia đình ảnh hưởng đến lưu thông tự nhiên của dòng chảy... Để việc chuyển đổi sinh kế không làm tổn hại tới nguồn tài nguyên trong tương lai, địa phương cần có các chương trình hỗ trợ về kỹ thuật hoặc nâng cao năng lực cho cộng đồng.

6. Kết luận

Kết quả nghiên cứu đã cho thấy sự chuyển đổi sinh kế thích ứng với BĐKH của cộng đồng địa phương đem đến các kết quả khác nhau, một số hộ đã thay đổi hoàn toàn cách thức làm ăn, hướng tới đa dạng sinh kế, một số chấp nhận giảm thu nhập để chọn phương án an toàn hơn. Bên cạnh đó, có những trường hợp chuyển đổi không đem lại ổn định sinh kế. Quá trình chuyển đổi này chịu tác động bởi nhiều yếu tố như đô thị hóa, thị trường và BĐKH, nhưng sự chuyển đổi này chưa thấy rõ được các kết quả lâu dài. Để chuyển đổi sinh kế bền vững hơn, không làm tổn hại tới nguồn tài nguyên trong tương lai, cần phát triển tài sản sinh kế, qua đó giúp tăng khả năng thích ứng với BĐKH của người dân. Điều này cần các nguồn lực từ bên ngoài cộng đồng, cụ thể là các hỗ trợ từ nhà nước và doanh nghiệp được thực hiện một cách có hệ thống và hiệu quả tại địa phương.

Kết quả nghiên cứu được phân tích từ dữ liệu định tính để đưa ra mô tả tổng thể về những cách thức chuyển đổi sinh kế của người dân, tài sản sinh kế của cộng đồng cũng như các bối cảnh khách quan trong quá trình chuyển đổi. Kết quả này có thể làm tiền đề cho những nghiên cứu định lượng về mức độ tác động của các yếu tố đến cách thức chuyển đổi sinh kế cũng như tính bền vững của sự chuyển đổi.

Tài liệu tham khảo

Cong thông tin điện tử UBND tỉnh Ben Tre (2023). *Niên giám thông kê tỉnh Ben Tre*. Truy cập ngày 22/10/2023 từ <https://bentre.gov.vn/pages/nien-giam-thong-ke.aspx>.

Dao, N. V. & Binh, P. T. T. (2019). *Danh gia thực trạng và tác động của biến đổi khí hậu đến xâm nhập mặn tỉnh Ben Tre*. *Tap chi Khi tuong Thuy van*, 4, 2019.

Department for International Development - DFID (2001). *Sustainable Livelihoods*

Guidance Sheets.

Diep, N. T. H., Trung, P. K., Nhung, D. T. C., Huong, N. T. T., Vu, P. T. & Le Anh Tuan, L. T. (2022) *Adaptation to saline intrusion for agriculture farming transformation in the coastal Ben Tre province, Vietnam*. Article in IOP Conference Series Earth and Environmental Science

Mike, M. (2001). *Towards pro-poor regulatory guidelines for urban upgrading A Review of*

- Papers presented at the International Workshop on Regulatory guidelines for urban upgrading held at Bourton-On-Dunsmore.* Intermediate Technology Development Group (ITDG).
- Tung, S. T., Thao, T. T., Huong, D. N. T., Nho, T. T. N. & Truong, T. H. (2022). *The transformation of southern medium-sized cities toward climate change resilience. The cases of Ben Tre and Binh Duong provinces.* Truy cập ngày 25/4/2024 từ https://vietnam.fes.de/fileadmin/user_upload/transformation/index.html
- Ủy ban Nhân dân tỉnh Bến Tre (2022). *Báo cáo quy hoạch tỉnh ben tre thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050* (báo cáo cuối kỳ tổng hợp).
- Espagne, E. et al (2021). *Climate change in Viet Nam; Impacts and adaptation. A COP26 assessment report of the GEMMES Viet Nam project.*
- WWF-VN (2012). *Danh gia nhanh tổng hợp tình hình thương mại và khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu tại ba huyện ven biển, tỉnh Bến Tre.* Truy cập ngày 30/4/2024 từ https://dragon.ctu.edu.vn/images/upload/tailieu/xuatban/tai_lieu_cu/RIVAA_WWF_Final_Report-VN_2.pdf

CHUYỂN ĐỔI SINH KẾ THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU NHÌN TỪ GÓC ĐỘ SINH KẾ BỀN VỮNG: NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP TỈNH BẾN TRE

Son Thanh Tùng¹
Trương Thanh Thảo²

^{1,2}Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh
Email: tungsr@hcmussh.edu.vn¹; truongthanhthao@hcmussh.edu.vn².

Ngày nhận bài:	14/5/2024	Ngày phản biện:	20/5/2024
Ngày tác giả sửa:	31/5/2024	Ngày duyệt đăng:	12/6/2024

DOI: <https://doi.org/10.58902/tcncckhpt.v3i2.148>

Tóm tắt:

Quá trình chuyển đổi sinh kế của người dân tại những khu vực chịu tác động của biến đổi khí hậu phụ thuộc vào nhiều yếu tố, trong đó bao gồm các yếu tố khách quan và chủ quan. Sự chuyển đổi này trước hết xuất phát từ những thiệt hại về sinh kế mà người dân đã trải qua trước diễn biến thất thường của khí hậu. Sự chuyển đổi được kỳ vọng là sẽ giúp các gia đình có được sinh kế thích ứng được với những thay đổi của khí hậu. Bên cạnh đó, sự chuyển đổi này cũng cần được xem xét ở góc độ sinh kế bền vững. Đây cũng là điều cần được phân tích kỹ hơn trong nỗ lực chuyển đổi sinh kế của người dân thích ứng với tình trạng thay đổi của khí hậu và thời tiết cực đoan.

Từ khóa: *Biến đổi khí hậu; Chuyển đổi sinh kế; Sinh kế bền vững; Thích ứng; Tỉnh Bến Tre.*